

MÔN: TOÁN LỚP 5
ÔN TẬP TUẦN 2 THÁNG 9

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Trong một buổi đọc sách tại thư viện xanh ở trường, Mai đọc được $\frac{2}{5}$ quyển sách, Bình đọc được $\frac{4}{10}$ quyển sách. Ai đọc nhiều hơn?

- A. Mai đọc nhiều hơn
B. Bình đọc nhiều hơn
C. Hai bạn đọc bằng nhau
D. Không xác định được

Câu 2. Một nhóm học sinh chơi kéo co, có $\frac{1}{4}$ số bạn là nữ. Còn lại là bạn nam. Số bạn nam chiếm:

- A. $\frac{1}{2}$ số học sinh
B. $\frac{3}{4}$ số học sinh
C. $\frac{2}{4}$ số học sinh
D. $\frac{2}{3}$ số học sinh

Trang Fanpage
 **Thư viện tiểu học - Ươm mầm tương lai**
Gác văn Tiểu học
Zalo: 0973368102

Câu 3. Phép so sánh nào dưới đây **không đúng**?

- A. $\frac{6}{8} > \frac{3}{8}$
B. $\frac{5}{6} = \frac{10}{18}$
C. $\frac{7}{10} < \frac{9}{10}$
D. $\frac{3}{5} < \frac{4}{5}$

Câu 4. Trong các phân số sau đây phân số nào là phân số tối giản

- A. $\frac{23}{27}$
B. $\frac{15}{60}$
C. $\frac{21}{7}$
D. $\frac{12}{9}$

Câu 5. Tính giá trị biểu thức: $\frac{2}{3} + \left(\frac{5}{6} - \frac{1}{6}\right) =$

- A. $\frac{5}{6}$
B. $\frac{3}{2}$
C. 1
D. $\frac{4}{3}$

Câu 6. Trong thư viện trường, số sách lớp 4 mượn là $\frac{3}{10}$, số sách lớp 5 mượn $\frac{2}{5}$. Hỏi lớp 5 mượn nhiều hơn lớp 4 bao nhiêu phần?

- A. $\frac{1}{10}$
B. $\frac{2}{10}$
C. $\frac{3}{5}$
D. $\frac{1}{5}$

Câu 7. Một hình chữ nhật có diện tích $\frac{9}{4} \text{ m}^2$, chiều rộng là $\frac{3}{4} \text{ m}$. Chiều dài là:

- A. $\frac{3}{1} \text{ m}$
B. $\frac{12}{7} \text{ m}$
C. $\frac{1}{3} \text{ m}$
D. 3m

Câu 8: Trong các phân số $\frac{15}{18}$; $\frac{20}{27}$; $\frac{15}{27}$; $\frac{10}{27}$, phân số bằng phân số $\frac{5}{9}$ là:

- A. $\frac{15}{18}$
B. $\frac{20}{27}$
C. $\frac{15}{27}$
D. $\frac{10}{27}$

Câu 9: Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{9}$ và $\frac{7}{36}$ ta được:

- A. $\frac{15}{36}$ và $\frac{7}{36}$
B. $\frac{5}{9}$ và $\frac{7}{9}$
C. $\frac{20}{36}$ và $\frac{7}{36}$
D. $\frac{5}{36}$ và $\frac{7}{36}$

Câu 10: Rút gọn phân số $\frac{25}{100}$ tới phân số tối giản ta được phân số:

- A. $\frac{5}{10}$
B. $\frac{5}{20}$
C. $\frac{2}{8}$
D. $\frac{1}{4}$

Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm

Sau khi kiện thắng Trời, Cóc và các bạn đi hết 3 ngày mới về đến nhà. Biết thời gian cười rồng hết $\frac{1}{10}$ thời gian đi về, thời gian đi bộ chiếm $\frac{1}{10}$ thời gian đi về và thời gian còn lại là cười rùa về nhà.

- a. Thời gian cười rùa làngày

b. Thời gian di chuyển lâu nhất là.....

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S

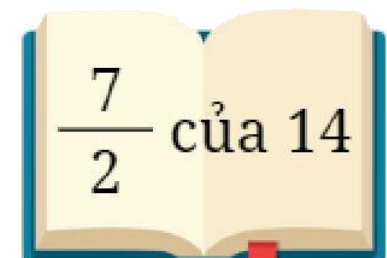
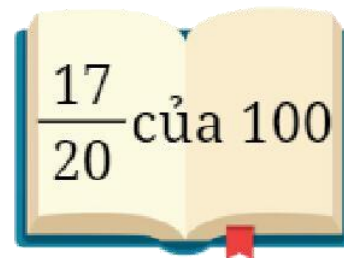
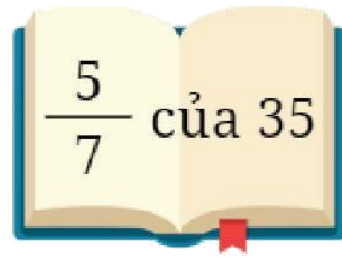
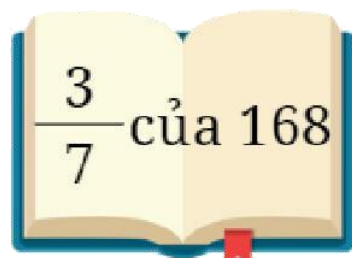
a. $\frac{2}{5} < \frac{3}{5}$ ☐

b. $\frac{7}{8}$ là phân số lớn hơn 1 ☐

c. $\frac{9}{9}$ là phân số bằng 1 ☐

d. $\frac{4}{7} > \frac{5}{3}$ ☐

Bài 4: Nối để được kết quả đúng:



Phần 2: Tự luận

Bài 1: Tính:

$\frac{4}{9} + \frac{5}{18} =$

$\frac{2}{3} + \frac{4}{9} =$

$\frac{4}{13} \times \frac{7}{8} =$

$\frac{13}{3} - \frac{12}{9} =$

$\frac{7}{5} \times \frac{5}{4} =$

$\frac{5}{8} \times \frac{9}{8} =$

$\frac{3}{7} \times \frac{4}{3} =$

$\frac{5}{9} + \frac{2}{3} =$

$\frac{6}{12} \times \frac{3}{4} =$

$2 + \frac{3}{7} =$

$3 - \frac{4}{5} =$

$2 \times \frac{5}{12} =$

$6 \times \frac{7}{8} =$

$\frac{3}{9} + \frac{4}{12} =$

$\frac{10}{9} \times 2 =$

$\frac{14}{8} - \frac{3}{4} =$

$\frac{8}{7} + 5 \times \frac{1}{7} =$

$\frac{14}{5} \times 6 =$

Bài 2: Số?:

$\frac{2}{3}$ của 18 kg là

$\frac{3}{4}$ của 36 m là

$\frac{5}{8}$ của 96 phút là

$\frac{5}{6}$ của 24 thế kỉ là

$\frac{4}{7}$ của 56 l là

$\frac{2}{5}$ của 30 tạ là

$\frac{8}{9}$ của 72 giờ là

$\frac{2}{3}$ của 180 giây là

$\frac{3}{7}$ của 42 năm là

$\frac{5}{11}$ của 55 yến là

Bài 3: Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn

a) $\frac{2}{3}$; $\frac{1}{2}$; $\frac{5}{6}$

b) $\frac{9}{5}$; $\frac{4}{7}$; $\frac{8}{35}$; $\frac{5}{5}$

Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện:

a) $\frac{5}{7} \times \frac{16}{43} + \frac{5}{7} \times \frac{27}{43}$

b) $\frac{7}{2} \times \frac{13}{7} + \frac{7}{2} \times \frac{1}{7}$

c) $\frac{4}{6} \times \frac{1}{2} + \frac{2}{3} \times 1$

c) $\frac{3}{6} \times \frac{1}{8} + \frac{1}{2} \times \frac{1}{8} + \frac{4}{8}$

Bài 5: Mạnh được mẹ cho 500000 đồng. Mạnh đã dùng $\frac{2}{5}$ số tiền đó để mua sách vở và $\frac{3}{10}$ số tiền đó để ủng hộ các bạn ùng khó khăn. Hỏi Mạnh còn lại bao nhiêu tiền?

Bài giải

Bài 6: Một nhóm thiện nguyện nấu 200 suất cơm phát tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Nhóm đã phát tặng $\frac{3}{4}$ suất cơm nấu được. Hỏi còn bao nhiêu suất cơm chưa phát tặng?

Bài giải

Bài 7: Một nhà vườn trồng rau sạch có tổng diện tích 480m^2 . Trong đó diện tích trồng cà chua chiếm $\frac{2}{5}$, diện tích trồng dưa chuột chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích, còn lại là trồng cà rốt. Tính diện tích trồng cây cà rốt

Bài giải

Bài 8: Gần nhà An có một hồ nước hình chữ nhật dài 160m và rộng 90m . Chiều nay, An đặt mục tiêu chạy 5 vòng quanh hồ nhưng An đã nghỉ khi chạy được $\frac{4}{5}$ quãng đường. Tính quãng đường An đã chạy chiều nay.

Bài giải

Bài 9:

Tìm một phân số biết nếu lấy phân số đó cộng với đi $\frac{2}{5}$ thì được kết quả là $\frac{27}{10}$

Tìm một phân số biết nếu lấy phân số đó cộng với đi $\frac{2}{5}$ rồi chia cho 2 thì được kết quả là $\frac{7}{10}$

Bài 10: Viết mỗi phân số sau thành tổng của 3 phân số tối giản khác nhau có cùng mẫu số:

$\frac{10}{27} ; \frac{13}{12} ; \frac{15}{8}$

Bài 11: Viết mỗi phân số sau thành tổng của 3 phân số có tử số bằng 1 và mẫu số khác nhau: $\frac{9}{12} ; \frac{9}{15}$

Bài 12: Viết phân số $\frac{1}{3}$ thành tổng của hai phân số có tử số là 1 và mẫu số khác nhau.

a) Đọc các số thập phân sau:

$\frac{25}{100} ; \frac{94}{1000} ; \frac{51}{10} ; \frac{6}{10} ; \frac{24}{100} ; \frac{175}{10\,000}$

b) Viết các phân số thập phân :

- + Chín phần mười:
- + Ba mươi tư phần trăm:
- + Bảy trăm năm mươi phần nghìn:
- + Bốn trăm mười lăm phần triệu:.....
- + Chín mươi tám phần mười nghìn:

Bài 13: Viết phân số sau thành phân số thập phân sau:

$$\frac{3}{25}; \frac{9}{8}; \frac{51}{2}; \frac{27}{5}; \frac{88}{800}; \frac{1}{125}$$

b) Viết các phân số thập phân :

- + Chín phần mười:
- + Ba mươi tư phần trăm:
- + Bảy trăm năm mươi phần nghìn:
- + Bốn trăm mười lăm phần triệu:.....
- + Chín mươi tám phần mười nghìn:

Bài 14: Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

$$\frac{7}{4} = \frac{\dots\dots\dots}{100}$$

$$\frac{8}{16} = \frac{\dots\dots\dots}{10}$$

$$\frac{8}{20} = \frac{\dots\dots\dots}{10}$$

$$\frac{20}{25} = \frac{\dots\dots\dots}{10}$$

Bài 15: Chuyển các phân số sau thành phân số thập phân có mẫu số là 100

$$\frac{6}{8}; \frac{9}{4}; \frac{3}{25}; \frac{8}{2}; \frac{25}{40}; \frac{49}{700}$$

.....

.....

.....

Bài 16: Tính rồi viết chữ thích hợp vào ô trống để giải ô chữ

$$\frac{1}{2} \times \frac{4}{13} = \dots\dots\dots (O)$$

$$4 - \frac{8}{3} = \dots\dots\dots (À)$$

$$\frac{1}{2} \times \left(\frac{5}{8} + \frac{1}{4} \right) = \dots\dots\dots (N)$$

$$\frac{3}{2} : \frac{6}{5} = \dots\dots\dots (M)$$

$$\frac{1}{8} + \frac{1}{4} = \dots\dots\dots (S)$$

$\frac{3}{8}$	$\frac{4}{3}$	$\frac{5}{4}$

$\frac{3}{8}$	$\frac{2}{13}$	$\frac{2}{3}$



Thư viện Tiểu học - Ươm mầm tương lai



Tại fanpage Thư viện tiểu học - Ươm mầm
tương lai có **PHIẾU CUỐI TUẦN** và **BỘ KIỂM TRA**
giữa cuối kì 1, 2

lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5

của 3 bộ sách

**Sách Kết nối, sách Cánh diều,
sách Chân trời sáng tạo**

**Kính mời quý thầy cô và quý phụ huynh
nhắn tin cho page đăng ký nhận bản mềm có phí.
(Hoặc liên hệ zalo: 0973368102)**

